

MỘT SỐ GHI NHẬN VỀ CÁCH DẠY CHO HỌC VIÊN NƯỚC NGOÀI THỂ HIỆN

NGŨ ĐIỀU CÂU TIẾNG VIỆT

THE METHOD TO TEACH INTONATIONAL EXPRESSION OF VIETNAMESE SENTENCE FOR FOREIGN STUDENT

PHAN THỊ NGUYỆT HOA

(TS; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: In this article, we have analyzed and given the evidence about the negative sentence, it consists of negative assistant word, pronoun, specialized copulative combined with intonation or only used intonation. Illustrating for teaching activities, we have given pronouncers the examples, which are confronted with witnesses and used intonational machine to photograph the images of intonation for the kind of this sentence. Eventhough, these studies only stop with the kinds of quite simple, popular sentences. However, the result could give teachers some suggestion. Which could apply in activities to teach Vietnamese for foreigners.

Key words: Intonation; questional intonation; intonation of Vietnamese sentence; intonational expression.

1. Một khía cạnh cần được nhìn nhận, đánh giá để phát huy việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài là *cách dạy phát âm* mà phạm vi cụ thể hơn muốn bàn đến trong bài viết này là *thể hiện ngữ điệu câu hỏi trong tiếng Việt hiện đại*. Có thể nói, tính cần thiết của cách dạy phát âm ngữ điệu nói chung và ngữ điệu câu hỏi (*câu nghi vấn*) là không thể không quan tâm. Bởi vì, câu hỏi là loại câu được phân chia theo mục đích sử dụng có tần số sử dụng cao.

2. Như đã biết, ngữ điệu đóng một vai trò đặc biệt quan trọng bởi vì hiện tượng ngữ điệu này được thể hiện trong dòng ngữ lưu và thể hiện ở bậc câu một cách hoàn chỉnh với các đặc trưng vật lí cơ bản đủ để thực hiện chức năng thông báo cho câu.

Khi bàn về ngữ điệu, hầu hết các tác giả đều khẳng định ngữ điệu thuộc đơn vị phát âm của câu (phát ngôn). Trong đó, chúng tôi rất tâm đắc với Hoàng Trọng Phiến rằng: “*Với tư cách là một đơn vị bậc cao của hệ thống các đơn vị ngôn ngữ, câu là ngữ tuyến được hòa thành một cách trọn vẹn về ngữ pháp và ngữ nghĩa với một ngữ điệu của*

ngôn ngữ nhất định” [5,19]. Do tiếng Việt có *thanh điệu* trong âm tiết, *trọng âm* trong từ và *ngữ điệu* trong câu (phát ngôn) cho nên những hiện tượng ngữ điệu này có sự tương tác lẫn nhau. Để giải quyết sự phân giới giữa chúng, tác giả Cao Xuân Hạo đã chỉ rõ: “*Trong ngữ điệu bình thường, một tiếng có trọng âm dài hơn một tiếng không có trọng âm (khinh âm) từ 1,5 đến 4 lần, mạnh hơn từ 3 đến 5 lần và có một đường nét thanh điệu trọn vẹn hơn hẳn*” [4,138]. Ngữ điệu có tiêu chí xác định của nó. Để xác định cụ thể hiện thực của *ngữ điệu*, chúng tôi cho rằng, cần phải chỉ ra các tiêu chí nhận diện, đó là: cao độ, cường độ, trường độ. Một số tác giả đã có công hiến trong việc phát hiện và giới thiệu những tiêu chí này mà chúng tôi sẽ kế thừa cho phần nghiên cứu của mình. Tác giả Mai Ngọc Chừ cho rằng: “*ngữ điệu (intonation) là sự nâng cao hoặc hạ thấp giọng nói diễn ra trong một chuỗi âm thanh lớn hơn từ, có thể là tổ hợp từ, phát ngôn hay câu*” [3,134]. Còn tác giả Đỗ Tiến Thắng khẳng định: “*Ngữ điệu là một hiện*

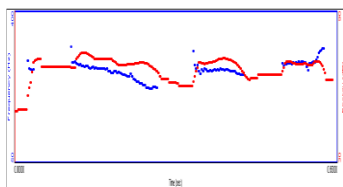
tượng xảy ra ở bậc câu của ngôn ngữ, được tạo thành từ hoạt động của các đặc trưng vật lý cơ bản như cao độ, cường độ, trường độ” [8,37]. Như vậy, dựa vào các phân giới, tương tác và tiêu chí xác định trên đây chúng tôi tiến hành xác định các ghi nhận về cách dạy ngữ điệu câu hỏi (câu nghi vấn) trong tiếng Việt hiện đại.

3. Câu hỏi (câu nghi vấn) đúng theo cách gọi của nó là câu hỏi (nghi vấn) để tìm kiếm thông tin cần biết, chưa biết. Để tạo câu hỏi trong tiếng Việt, chúng ta thường dùng từ phụ nghi vấn, đại từ, tiểu từ chuyên dụng, từ hay kết hợp với ngữ điệu hoặc chỉ thuần túy dùng ngữ điệu.

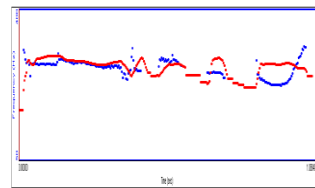
Trường hợp câu nghi vấn chỉ dùng ngữ điệu (mà không kèm phương tiện khác) thì ngữ điệu bộc lộ chức năng nhấn giọng khá cao. Có thể nói, nét đặc thù phân biệt câu nghi vấn trong trường hợp này (khác với câu trần thuật) là phải dùng (thể hiện) một ngữ điệu cao, sắc nét dành cho trọng tâm hỏi của câu đồng thời ở cuối câu không hạ thấp giọng rõ nét. Trường hợp trọng tâm nghi vấn không ở vị trí cuối câu thì từ ở vị trí cuối câu không được hạ thấp giọng rõ nét.

Sau đây, chúng tôi sẽ minh họa một số ví dụ. Bởi vì đây là những ví dụ không có từ hỏi trong câu nghi vấn nên chúng tôi đã sử dụng máy ngữ âm thực nghiệm để chụp lại hình ảnh ngữ điệu được thể hiện cho dạng câu này. Ví dụ:

- Cô ta là sinh viên?:

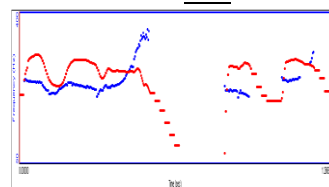


- Hôm nay đã là thứ sáu?:

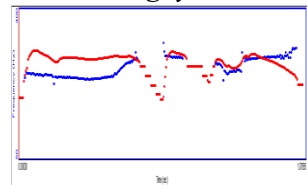


Trong thực tiễn giao tiếp, đặc biệt là trong thảo luận, tranh luận có tình huống thể hiện những ý kiến khác nhau, thậm chí đối tượng cần lựa chọn, thể hiện chính kiến. Ở trường hợp này, “câu ghi vấn có tính tương phản” được sử dụng với ngữ điệu tương thích quy tắc chung thể hiện loại câu này cũng là: nhấn vào trọng tâm câu là từ thể hiện tương phản (còn) và cuối câu giữ cao giọng hoặc không hạ thấp giọng rõ nét. Ví dụ:

- Tôi vui lắm còn chú?:



- Còn nguy cơ thứ ba?:



Việc nhấn vào trọng tâm câu để thể hiện ngữ điệu nghi vấn ở câu không có “từ phụ nghi vấn” là cách khó phát âm bởi vì không có “dấu hiệu chỉ báo” trọng tâm nghi vấn. Khi dạy ngữ điệu loại câu nghi vấn này, giáo viên cần lưu ý người học giống như lưu ý sự phân biệt thanh điệu trong âm tiết. Sự nhấn giọng âm tiết thể hiện độ cao được xử lý như nhấn trọng âm lực khi phát âm trọng âm. Cũng có thể liên hệ so sánh với học viên vốn gốc Ấn Âu rằng: việc phát âm ngữ điệu nghi vấn loại câu này tương tự như nhấn trọng âm lực vào từ trọng tâm biểu thị nghi vấn. Như vậy, vô hình trong cách phát âm loại câu nghi vấn không có từ phụ nghi vấn là cách phát âm nhập ba hiện tượng ngôn điệu

(thanh điệu, trọng âm và ngữ điệu) làm một, tập trung vào từ trọng tâm biểu thị nghi vấn của câu.

4. Tương tự như câu nghi vấn thuộc nhiều ngôn ngữ khác, tiếng Việt cũng sử dụng nhiều câu nghi vấn có cấu tạo với các *trợ từ nghi vấn*. Trợ từ nghi vấn cũng có nhiều loại và phụ thuộc vào cấu tạo, vị trí xuất hiện của chúng trong câu nghi vấn mà có ngữ điệu phân biệt. Dưới đây chúng ta hãy đi qua ngữ điệu cấu tạo với trợ từ nghi vấn xác định đó.

Câu nghi vấn có cấu tạo với *đại từ nghi vấn*. Về ngữ điệu kiểu loại câu nghi vấn này, cần phân biệt theo *cấu tạo từ nghi vấn* và *vị trí xuất hiện* của chúng trong câu. Ta xét kiểu câu có cấu tạo phân biệt ở đại từ nghi vấn. Đối với câu có từ nghi vấn *đơn âm tiết* như: *ai, gì, ...* phân biệt với từ nghi vấn đa âm tiết như: *bây giờ, bao nhiêu, ...* như sau:

Ví dụ: trong câu “*Ai là người không làm bài tập?*” thì ngữ điệu câu nhấn vào trọng tâm đại từ nghi vấn là *ai* (từ hỏi về người). Việc nhận giọng với phát âm đúng thanh điệu và *ngữ điệu cao, nhấn mạnh*, kết thúc câu bình thường.

Ngữ điệu và cách nhấn giọng câu có từ nghi vấn đa âm tiết thì có đặc điểm khác. Ví dụ: *Bao giờ các em về nước?* (từ hỏi về thời điểm) sự khác ở đây là phải giữ sự nhấn giọng cao và mạnh ở cả hai âm tiết, song âm tiết đầu có phần nhấn mạnh hơn (*Bao*) và âm tiết kết thúc có *ngữ điệu bình thường* (trung bình).

Khi vị trí của *từ nghi vấn không ở đầu câu* mà ở vị trí *cuối câu*, hoặc ở một vị trí *giữa câu* thì ngữ điệu cũng phải phát âm tương ứng là: *nhấn giọng vào từ nghi vấn đúng mức, cao giọng*. Ví dụ:

- (1) Các em học tiếng Việt với *ai*?
- (2) Các em học tiếng Việt từ *bao giờ*?
- (3) Trong lớp ta *ai là người Anh*?

Ví dụ (1) và (2), ngữ điệu nghi vấn nhấn vào từ nghi vấn và kết thúc câu (*ai, bao giờ*)

đồng thời cũng nhấn vào vị trí cuối câu. Ví dụ (3) nhấn vào từ nghi vấn *ai* giữa câu và giữ ngữ điệu kết thúc câu (người Anh) ở mức trung bình.

Cách xử lý ngữ điệu dựa vào *cấu trúc từ nghi vấn* và *vị trí* của chúng trong câu nghi vấn nói trên cũng có thể áp dụng cho các câu nghi vấn cấu tạo với các từ như: *gì* (hỏi về vật chất và tinh thần (nội dung) của người, con vật, sự việc); *nào* (hỏi về tính chất (có thể hàm ý lựa chọn)); *sao* (hỏi về cách thức); *thế nào* (như thế nào - hỏi về tính chất có ý miêu tả); *bao nhiêu* (hỏi về số lượng); *bao lâu* (hỏi về thời gian) vv... Sở dĩ chúng tôi chú thích nghĩa kèm theo *từ để hỏi* là muốn lưu ý rằng: cần chú ý nghĩa của đơn vị từ vựng, cần cung cấp những đơn vị này cùng với ngữ điệu câu có dùng những đại từ nghi vấn đó trong câu.

Riêng câu hỏi về nguyên nhân thì từ chứa ý hỏi thường đứng ở vị trí đầu câu. Nói đúng là một tổ hợp từ như: *vì sao, thế nào, tại sao...* Ví dụ:

Vì sao hôm nay nhiều em vắng mặt?

Tại sao các em nộp thiếu bài?

Ngữ điệu những câu này vẫn nhấn mạnh vào từ (tổ hợp từ) hỏi và kết thúc câu vẫn giữ ngữ điệu cao. Trường hợp nếu đảo trật tự từ hỏi xuống cuối câu thì kết thúc câu có ngữ điệu kết thúc cao và mạnh. Ví dụ:

Hôm nay nhiều em vắng mặt (là) vì sao?

Các em nộp thiếu bài (là) tại (làm) sao?

Trong hai câu có vị trí từ hỏi chuyển đổi vừa dẫn có thêm những yếu tố phụ như *là, làm* giúp cho câu rõ nghĩa hơn. Vì vậy, cách nhấn ngữ điệu bao gồm cả những yếu tố chèn thêm ấy, hoặc có sự ngừng ngắt trước khi nhấn giọng vào từ hỏi. Ví dụ:

Hôm nay nhiều em vắng mặt (ngừng ngắt) vì sao?

Các em nộp thiếu bài (ngừng ngắt) tại sao?

5. Hai ví dụ kết thúc điểm 4 cho thấy: câu hỏi có từ hỏi có thêm nhân tố mới.

Nhân tố đó cho thấy ngữ điệu nghi vấn có thêm sắc thái nghĩa mới. Bên cạnh nghĩa chủ yếu là nội dung cần làm rõ sắc thái biểu hiện nghĩa. Yếu tố tình thái, tình cảm kèm theo câu hỏi với ngữ điệu của chúng. Ngữ điệu câu biểu hiện có kèm nội dung tình thái bộc lộ rõ ở câu nghi vấn có cấu tạo với “tiểu từ chuyên dụng” [1,232]. Đó là các tiểu từ gặp trong lời nói tiếng Việt hội thoại à, ư, nhỉ, nhé... Ví dụ:

Hôm qua các em tổ chức sinh nhật à?

Trong ví dụ này, nếu dùng ngữ điệu hỏi không có từ hỏi (như mục 3 đã nói) cũng thể hiện được nội dung hỏi. Tuy nhiên, nếu câu hỏi có thêm “tiểu từ chuyên dụng” à thì nội dung câu hỏi có thêm sắc thái tình cảm và ngữ điệu câu dịu xuống nhờ từ kết thúc câu là tiểu từ à.

Cũng như vậy, việc so sánh ngữ điệu của hai câu có từ ư và không có từ ư sau đây cũng bộc lộ rõ sự phân biệt ngữ điệu và nghĩa biểu hiện. Ví dụ:

(1) *Các em dùng giáo trình này ư?*

(2) *Các em dùng giáo trình này?*

Rõ ràng rằng cách thể hiện kết thúc ngữ điệu ví dụ (2) nhấn mạnh, cao hơn và “cứng” hơn (về tình cảm) trong việc biểu đạt cần hỏi.

Có thể nhận thấy trong ngữ điệu câu nghi vấn tiếng Việt khá ưa dùng các tiểu từ tình thái chuyên dụng này. Các tiểu từ như: *nhỉ, nhá, nhé, hử, há, chớ* tham gia cấu tạo nên câu để hỏi, giúp câu hỏi giúp cho ngữ điệu câu đượm sắc thái biểu cảm, gần gũi, thân mật mà trong ngôn ngữ hội thoại (hỏi - đáp) cần chú ý tận dụng.

Trên đây một số ghi nhận của chúng tôi qua thực tế giảng dạy cách phát âm ngữ điệu câu hỏi tiếng Việt cho học viên nước ngoài học tiếng Việt. Những dạng câu hỏi

với ngữ điệu tương thích mà chúng tôi vẫn làm là dạng tương đối đơn giản và phổ biến. Trong các dạng câu hỏi cần chỉ dẫn ngữ điệu phát âm còn có dạng phức tạp hơn, ví dụ như dạng kiểu câu hỏi lựa chọn với từ phụ hay hoặc dạng kiểu câu hỏi có cấu tạo giản cách từ để hỏi *có... không, có... phải không? đã... chưa... v.v...* Về mặt giáo học pháp, việc dạy phát âm cũng cần tính đến đặc điểm loại hình, ngữ hệ tiếng mẹ đẻ của người học gần hay xa với ngữ hệ loại hình ngữ hệ tiếng Việt. Bàn về việc dạy phát âm ngữ điệu tiếng Việt cho người nước ngoài vẫn mang tính thời sự cao và vẫn còn tiềm ẩn nhiều nội dung cần phải được tiếp tục tìm hiểu để có thể đưa kết quả nghiên cứu vào giảng dạy trong thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (1998), *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập I, II, Nxb Giáo dục.
2. Hoàng Cao Cương (1985), *Bước đầu nhận xét về đặc điểm ngữ điệu tiếng Việt*, tạp chí Ngôn ngữ.
3. Mai Ngọc Chừ (2007), *Nhập môn ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục.
4. Cao Xuân Hạo (2007), *Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb Giáo dục
5. Hoàng Trọng Phiến (1980), *Ngữ pháp tiếng Việt-Câu*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, HN.
6. Nguyễn Văn Phúc (1890), *Ngữ âm tiếng Việt thực hành*, Nxb. ĐHQG HN.
7. Nguyễn Huy Kỳ (2006), *Ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
8. Đỗ Tiến Thắng (2009), *Ngữ điệu tiếng Việt sơ thảo*, Nxb ĐHQG HN.
9. Đoàn Thiện Thuật (1999), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb ĐHQG HN.